

KINH 208. VÔ THƯỜNG¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly². Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Mắt quá khứ, vị lai là vô thường, hướng chi là mắt hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, sẽ không hoài niệm mắt quá khứ, không ham cầu mắt vị lai và đối với mắt hiện tại thì nhàm tởm, không ham muốn, ly dục, hướng đến chán bỏ³. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như vô thường, đối với khổ, không, vô ngã cũng thuyết như vậy⁴.

Như bốn kinh nội nhập xứ, thì bốn kinh ngoại nhập xứ, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và bốn kinh nội ngoại nhập xứ cũng thuyết như vậy⁵.

M

-
1. Pāli, S. 35. 10-12. Anicca, v.v...
 2. Xem cht.69, kinh 203.
 3. Hán: hướng yếm 向 —. Ấn Thuận sửa lại: hướng diệt 向 — hướng đến diệt tận.
 4. Pāli, hai kinh: S. 35. 8: Dukkham, 35. 9: Anattā.
 5. Pāli, ba kinh: S. 35. 10: Bāhirāniccā; 35. 11: Bāhirādukkhā; 35. 12: Bāhirānattā.

KINH 209. LỤC XÚC NHẬP XÚ⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly⁷. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có sáu xúc nhập xứ. Những gì là sáu? Đó là, nhãn xúc nhập xứ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sáu xúc nhập xứ này mà không biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly, thì biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này cách xa pháp, luật của Ta như trời và đất.”

Lúc ấy, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục đánh lễ Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

“Con có đầy đủ tri kiến như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly của sáu nhập xứ này.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Bây giờ, Ta hỏi người, hãy theo câu hỏi của Ta mà trả lời. Nay Tỳ-kheo, người có thấy nhãn xúc nhập xứ là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Đối với nhãn xúc nhập xứ này là chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, người nào thấy, biết như thật, thì sẽ không khởi lên các lậu hoặc, tâm sẽ không nhiễm đắm, tâm được giải thoát. Đó gọi là xúc nhập xứ đầu tiên đã đoạn trừ, đã biết rõ, đã đoạn trừ cội gốc của nó như chặt ngọn cây đa-la, đối với pháp vị lai, nhãn thức và sắc vĩnh viễn không khởi lên lại.

“Người có thấy tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ là ngã, khác ngã, ở trong nhau không?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

⁶. Pāli, S. 35. 71-73. Chaphassāyatanikā (Sáu xúc xứ).

⁷. Xem cht.69, kinh 203.

“Lành thay! Lành thay! Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ, chẳng phải là ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau, người nào biết, thấy như thật như vậy, thì sẽ không khởi lên các lậu hoặc, tâm không đắm nhiễm, tâm đạt được giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đối với sáu xúc nhập xứ, đã đoạn trừ được, đã biết rõ, đã đoạn trừ được cội gốc này như chặt ngọn cây đa-la, ý thức và pháp sẽ không còn sanh trở lại ở đời vị lai nữa.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 210. ĐỊA NGỤC⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly⁹. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chớ lạc, chớ khổ¹⁰. Vì sao? Có địa ngục gọi là Sáu xúc nhập xứ¹¹. Chúng sanh sanh ở trong địa ngục này, mắt chỉ thấy sắc không đáng ưa, chứ không thấy sắc đáng ưa; chỉ thấy sắc không đáng tưởng nhớ, chứ không thấy sắc đáng được tưởng nhớ; chỉ thấy sắc không lành, chứ không thấy sắc lành. Vì những nhân duyên này nên chỉ một mực nhận lãnh buồn khổ mà thôi. Tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý thức đối pháp cũng chỉ thấy không đáng yêu, chứ không thấy đáng yêu; chỉ thấy việc không đáng nhớ, chứ không thấy đáng nhớ; chỉ thấy pháp không lành, chứ không thấy pháp lành. Vì những nguyên nhân này nên luôn luôn phải chịu buồn khổ.

⁸. Pāli, S. 35. 135. Saṅgayha (Chấp trước).

⁹. Xem cht.69, kinh 203.

¹⁰. Pāli: lābhā vo, bhikkhave, suladdham vo, bhikkhave, khaṇo vo paṭiladdho brahmacariyavāsāya, các Tỳ-kheo, đây là điều lợi đặc của các người; đây là điều thiện lợi của các người. Các Tỳ-kheo, các người có cơ hội để sống cuộc đời phạm hạnh.

¹¹. Lục xúc nhập xứ, ———J—B—A tên gọi một địa ngục. Pāli: ditṭhā mayā bhikkhave chaphassāyataniṅkā nāma nirayā. Nay các Tỳ-kheo, Ta thấy có địa ngục tên là Sáu xúc xứ.

“Này các Tỳ-kheo, có cõi trời gọi là Sáu xúc nhập xứ¹². Chúng sanh sanh vào nơi này, mắt chỉ thấy sắc đáng yêu, chứ không thấy sắc không đáng yêu; chỉ thấy sắc đáng nhớ, chứ không thấy sắc không đáng nhớ; chỉ thấy sắc lành, chứ không thấy sắc không lành. Vì những nguyên nhân này, nên luôn luôn chỉ cảm nhận vui thích mà thôi. Và tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý thức đối với pháp là đáng yêu, chứ không phải không đáng yêu; là đáng nhớ, chứ không phải không đáng nhớ; là lành, chứ không phải là không lành.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 211. THẾ GIAN NGŨ DỤC¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly¹⁴. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa kia, khi Ta chưa thành Chánh giác, ở một mình nơi thanh vắng, thiền định tư duy, quán sát xem tự tâm phần nhiều hướng đến nơi nào? Tự tâm phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ, phần ít chạy theo năm công đức của dục hiện tại, lại càng rất ít chạy theo đời vị lai. Khi Ta quán sát thấy tâm phần nhiều chạy theo năm dục quá khứ, bèn nỗ lực tìm phương tiện, tinh cần tự giữ gìn, không để chạy theo năm công đức của dục quá khứ nữa.

“Do tinh cần tự giữ, nên Ta dần dần tiếp cận được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác¹⁵.

“Này các Tỳ-kheo, các ông cũng phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ, còn đối với hiện tại, vị lai thì lại cũng rất ít. Hiện tại, các ông cũng nên vì tâm phần nhiều chạy theo năm công đức của dục quá khứ đó, tăng cường tự phòng hộ, không bao lâu

¹². Pāli: chaphassāyatanikā nāma saggā.

¹³. Pāli, S. 35. 117. Lokakāmaguṇa.

¹⁴. Xem cht.69, kinh 203.

¹⁵. Trong nguyên bản, *a-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề*, ----h---T---T---.

cũng sẽ chứng đắc lậu tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

Vì sao? Vì mắt thấy sắc làm nhân duyên sanh ra nội cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với pháp làm nhân duyên sanh ra nội cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với những nhập xứ này cần phải giác tri¹⁶, khi mắt kia diệt, sắc tưởng sẽ lìa¹⁷; tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt thì pháp tưởng sẽ lìa.”

Phật nói cần phải nhận biết sáu nhập xứ rồi, liền vào thất tọa thiền.

Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo, sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, bàn luận như vậy:

“Thế Tôn đã vì chúng ta nói gọn pháp yếu, nhưng không phân tích đầy đủ mà đã vào thất tọa thiền. Thế Tôn bảo rằng: ‘Sáu nhập xứ cần phải giác tri; khi mắt kia diệt thì sắc tưởng sẽ lìa; tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt thì pháp tưởng sẽ lìa.’”

“Hiện tại, đối với pháp do Đức Thế Tôn đã nói gọn, chúng ta vẫn còn chưa hiểu. Nay ở trong chúng này, ai là người có trí tuệ có thể vì chúng ta, đối với pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn đó, mà vì chúng ta diễn nói đầy đủ nghĩa của nó?”

“Họ lại nghĩ: ‘Chỉ có Tôn giả A-nan, luôn luôn hầu Đức Thế Tôn, thường được Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi. Chỉ có Tôn giả A-nan mới có thể vì chúng ta diễn nói lại nghĩa pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn đó. Nay, chúng ta cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-nan hỏi về ý nghĩa quan trọng của chúng và theo những gì Tôn giả A-nan nói tất cả chúng ta sẽ phụng hành.’”

Bấy giờ, số đông chúng Tỳ-kheo, đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Tôn giả, nên biết cho, Đức Thế Tôn vì chúng tôi đã nói gọn

¹⁶. Pāli: se āyatane vedītabbe, các xứ này cần được biết rõ.

¹⁷. Pāli: cakkhu ca nirujjhati, rūpasāñhā ca nirujjhati, mắt bị diệt và sắc tưởng bị diệt.

pháp yếu, (*chi tiết như đã nói ở trên*), xin Tôn giả vì chúng tôi nói đầy đủ nghĩa của chúng.”

Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các thầy mà nói về pháp đã được Đức Thế Tôn nói gọn một cách đầy đủ nghĩa của chúng. Đức Thế Tôn đã nói tóm gọn chỉ cho việc diệt sáu nhập xứ, còn những điều khác sẽ nói là nhãn xứ diệt thì sắc tưởng sẽ lìa; và tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ diệt, thì pháp tưởng sẽ lìa. Đức Thế Tôn nói gọn pháp này xong vào thất thiền định. Nay tôi đã vì các ông phân tích nghĩa này.”

Tôn giả A-nan nói nghĩa này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả đã nói, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 212. BÁT PHÓNG DẬ¹⁸

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta không vì tất cả các Tỳ-kheo mà nói hành không buông lung¹⁹, cũng chẳng phải không vì tất cả các Tỳ-kheo mà nói hành không buông lung.

“Ta không nhắm đến những hạng Tỳ-kheo nào để nói hành không buông lung? Nếu Tỳ-kheo đã chứng đắc A-la-hán, đã diệt tận các lậu, đã rời bỏ các gánh nặng, đã đạt được mục đích của mình, đã tận trừ các kết sử hữu²⁰, tâm chánh giải thoát; đối với hạng Tỳ-kheo như vậy, Ta không vì họ nói hành không buông lung. Vì sao? Vì các hàng Tỳ-kheo này đã hành không buông lung, nên không thể nào hành buông lung nữa. Nay Ta thấy các Tôn giả kia đã đạt được quả không buông lung, cho nên không phải vì họ mà nói hành không buông lung.

¹⁸. Không buông lung. Pāli, S. 35. 134. Devadahakhaṇa.

¹⁹. Pāli: nāhaṃ, bhikkhave, sabbesaṃyeva bhikkhūnaṃ chasu phassaṃyatanesu appamādena karaṇīyanti vadāmi, các Tỳ-kheo, Ta không nói rằng hết thầy các Tỳ-kheo cần phải thực hành không buông lung nơi sáu xúc xứ.

²⁰. Hán: hữu kết, —A chỉ các phiền não dẫn đến tái sanh. Pāli: bhavasamyojana.

“Vì những hạng Tỳ-kheo nào mà nói hành không buông lung? Đó là hàng Tỳ-kheo còn ở học địa, tâm, ý chưa được tăng thượng an ổn, hướng đến an trụ Niết-bàn. Đối với những hạng Tỳ-kheo như vậy, Ta vì họ mà nói hành không buông lung. Vì sao? Vì hàng Tỳ-kheo này đang tập học các căn, tâm còn ái lạc theo các phương tiện sinh sống, gần gũi bạn lành, chẳng bao lâu các lậu được đoạn trừ, được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; ngay trong hiện tại tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

“Vì sao? Vì kia, sau khi thấy sắc đáng được yêu thích và đắm trước được nhận thức bởi mắt; Tỳ-kheo này thấy rồi, không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không trói đắm vào. Vì không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không bị trói đắm vào, nên nỗ lực tinh tấn, thân tâm an chỉ, tịch tĩnh, tâm tuyệt đối an trụ không quên, thường định nhất tâm, pháp hỷ không lường, sớm được tam-muội Chánh thọ đệ nhất, không bao giờ bị thoái thất theo nơi mắt và sắc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp cũng lại như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 213. PHÁP²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ vì các ông diễn nói hai pháp. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Hai pháp đó là gì? Nhãn và sắc là hai: tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp là hai. Đó gọi là hai pháp.

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như vậy: ‘Đây chẳng phải là hai. Hai pháp mà Sa-môn Cù-đàm nói, đó thật sự không phải là hai²².’ Người kia nói hai pháp theo ý của mình, đấy chỉ có trên ngôn

²¹. Pāli, S. 35. 92. Dvayaṃ.

²². Pāli: aham etaṃ dvayaṃ paccakhāya aññaṃ dvayaṃ paññapessamī ti, “Tôi loại

thuyết; khi hỏi đến thì sẽ không biết, khiến sẽ tăng thêm nghi hoặc cho họ, vì đây chẳng phải là cảnh giới của họ. Vì sao? Vì duyên vào mắt và sắc sanh ra nhãn thức, cả ba hòa hợp duyên lại thành xúc, duyên vào xúc sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Nếu không biết như thật về sự tập khởi của cảm thọ, về sự diệt tận của cảm thọ, về vị ngọt của cảm thọ, về sự tai hại của cảm thọ, về sự xuất ly cảm thọ này, thì sẽ gieo trồng tham dục nơi thân xúc, sẽ gieo trồng sân nhuế nơi thân xúc, sẽ gieo trồng giới thủ về thân xúc, sẽ gieo trồng ngã kiến nơi thân xúc; cũng gieo trồng và làm tăng trưởng các ác pháp bất thiện. Thuần một tụ khổ lớn như vậy, đều từ sự tập khởi mà sanh ra. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm nhân duyên sanh ra ý thức. Cả ba chúng hòa hợp sanh ra xúc, *nói chi tiết như trên*.

“Lại nữa, khi nhãn duyên vào sắc sanh ra nhãn thức, cả ba chúng hòa hợp sanh ra xúc và xúc làm duyên sanh ra cảm thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Khi đã biết về sự tập khởi của cảm thọ, về sự diệt tận của cảm thọ, về vị ngọt của cảm thọ, về sự tai hại của cảm thọ, về sự xuất ly của cảm thọ như vậy rồi, thì sẽ không gieo trồng tham dục nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng sân nhuế nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng giới thủ nơi thân xúc, sẽ không gieo trồng ngã kiến về thân xúc, sẽ không gieo trồng các pháp ác bất thiện. Như vậy các pháp ác bất thiện sẽ bị tiêu diệt và thuần một tụ khổ lớn cũng bị tiêu diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 214. NHỊ PHÁP²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-

bỏ qua hai pháp này mà sẽ công bố hai pháp khác”.

²³. Pāli, S. 35. 93. Dvayam.

vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có hai nhân duyên sanh ra thức. Những gì là hai? Đó là: mắt và sắc; tai và mũi; lưỡi và vị; thân và xúc; ý và pháp. Nói chi tiết như trên, cho đến... chẳng phải là cảnh giới của thọ.

“Vì sao? Vì mắt và sắc làm nhân duyên sanh ra nhãn thức, chúng là pháp hữu vi, vô thường, tâm duyên mà sanh; ba pháp này hòa hợp sanh ra xúc, xúc rồi sanh cảm thọ, cảm thọ rồi sanh tư, tư rồi sanh tưởng. Tất cả những pháp này là pháp hữu vi, vô thường, tâm duyên mà sanh, tức là: xúc, tưởng, tư. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 215. PHÚ-LƯU-NA²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Phú-lưu-na cùng các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Thế Tôn nói pháp hiện thấy, nói dập tắt sự rục rạc, nói không đợi thời, nói hướng đạo chân chánh, nói chính nơi đây mà thấy, nói duyên tự tâm mà giác ngộ²⁵. Vậy, bạch Thế Tôn thế nào là pháp hiện thấy, cho đến duyên tự tâm mà giác ngộ?”

Phật bảo Phú-lưu-na:

“Lành thay! Phú-lưu-na có thể hỏi những điều này. Nay Phú-lưu-na, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì người mà nói.

²⁴. Pāli, S. 35. 88. Punṇa.

²⁵. Hán: hiện pháp, xí nhiên, bất đãi thời, chánh hướng, tức thủ kiến, duyên tự giác —{—k—A—K—Ū—A— ————A—V—A—Y— ————A—t— ————}—Các phẩm tính của Chánh pháp; định cú theo Pāli:svākkhāto bhagavatā dhammo sandiṭṭhikio akāliko ehi-passiko opnayiko paccattam veditabbo viññuhī ti. Hán dịch, *Phẩm Loại Túc Luận* 2: thiện thuyết, hiện kiến, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng; tham chiếu *Du-già Sư Địa Luận 8* (Đại 30, tr.766c): hiện kiến, vô xí nhiên, ứng thời, dẫn đạo, duy thủ kiến, nội sở chứng.

“Này Phú-lưu-na, mắt thấy sắc rồi giác tri²⁶ sắc, giác tri sắc tham. Nếu bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt, thì biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Này Phú-lưu-na, nếu mắt thấy sắc rồi giác tri sắc, giác tri sắc tham, biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Đó gọi là pháp được hiện thấy²⁷.

“Thế nào là dập tắt sự rực cháy? Thế nào là không đợi thời? Thế nào là hướng đạo chân chánh? Thế nào là chính nơi đây mà thấy? Thế nào là duyên tự tâm mà giác ngộ?”

“Này Phú-lưu-na, mắt thấy sắc rồi giác tri sắc, nhưng không khởi giác tri sắc tham; biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức nhưng không khởi giác tri sắc tham. Nếu Tỳ-kheo, Phú-lưu-na, khi mắt thấy sắc, rồi giác tri sắc, không khởi giác tri sắc tham và biết như thật về sắc, biết như thật là không khởi giác tri sắc tham; gọi đó là dập tắt sự rực cháy, không đợi thời, hướng đạo chân chánh, chính nơi đây mà thấy, duyên tự tâm mà giác ngộ. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Phú-lưu-na nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

²⁶. Giác tri —A tức được cảm thọ, cảm nhận. Pāli: vedayita.

²⁷. Hiện kiến pháp —k-A ở trên Hán dịch là *hiện pháp*. Pāli: sandiṭṭhiko.